

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 24-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2005 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 2002 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân M kết hôn trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tự Lạn, thị xã V ngày 15/3/2024. Sau khi kết hôn chị T về sinh sống cùng gia đình anh M tại tổ dân phố N, phường T, thị xã V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố H, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có đơn xin ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Mai A sinh ngày 22/10/2024. Hiện tại cháu Mai A đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hoà giải ngày 22/01/2025, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức, ruộng đất: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân M trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T ngày 15/3/2024, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi tổ chức đám cưới chị T chuyển về sinh sống cùng gia đình anh, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh không đi làm, ham chơi. Vợ chồng anh đã sống ly thân được khoảng 03 tháng, từ khi sống ly thân chị T về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh M xuống đón vợ để đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chị T đề nghị ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Mai A sinh ngày 22/10/2024, hiện cháu đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con anh và chị T sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hoà giải ngày 22/01/2025, anh M đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Mai A cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: anh và chị T không có tài sản chung, không có công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận anh không thể đến Tòa án làm việc được, anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Xác minh tại địa phương: Ban lãnh đạo tổ dân phố Nguồn cung cấp: anh Nguyễn Xuân M1 là công dân của địa phương, anh M1 và chị T là vợ chồng, tuy nhiên chị T chỉ sinh sống ở địa phương một thời gian ngắn, từ tháng 9/2024 đến nay chị T không ở địa phương. Trong cuộc sống vợ chồng, chị T và anh M1 có mâu thuẫn như thế nào? Mâu thuẫn ra sao địa phương không nắm được. Nay chị T xin ly hôn anh M1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại gia đình bà Nguyễn Thị V – mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T cung cấp: chị T và anh M1 là vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 2024, sau khi cưới chị T về nhà anh M1 làm dâu ngay, quá trình chung sống anh M1 không chịu đi làm, suốt ngày chơi bời, không có tiền chi tiêu, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T đã về nhà bà sinh sống từ tháng 9/2024 đến nay, từ khi chị T về nhà bà sinh sống, bố mẹ anh M1 và bản thân anh

M1 không xuống đón gọi chị T về đoàn tụ. Đến nay chị T xin ly hôn anh M1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Xuân M vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị đơn, nguyên đơn không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX Áp dụng các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân M.

Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mai A sinh ngày 22/10/2024. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết. Anh M được quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Xuân M, địa chỉ: tổ dân phố N, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt anh M: Tại phiên toà anh M vắng mặt nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân M đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2024 tại UBND phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Như vậy hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh M, anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, và sống ly thân thì từ tháng 9/2024 chị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, không ở cùng anh M, nhưng từ đó cho đến nay anh M cũng không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân M.

[4] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mai A sinh ngày 22/10/2024. Hiện nay cháu Mai A đang ở cùng chị T. Ly hôn cả chị T và anh M đều có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu M2 anh hiện đang ở cùng chị T, đời sống phát triển bình thường, hơn nữa cháu Nguyễn Mai A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Mai A là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai A sinh ngày 22/10/2024 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền dự phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai 0001610 ngày 16/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Báo cho đương sự có mặt biết quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Tự Lạn (ĐKKH số 11 ngày 15/3/2024).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết